

Số: 1404 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác soát xét lại việc tổ chức thực hiện Kết luận phúc tra, tham mưu xử lý tồn đọng đất đai tại xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra và trình tự thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra; Thông tư số 05/2015/TT-TTCP ngày 10/9/2015 của Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành quy định về giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra;

Xét đề nghị của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 183/TT-NV2 ngày 09/5/2018 (kèm theo văn bản đề xuất cử cán bộ của các đơn vị liên quan),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành soát xét việc tổ chức thực hiện Kết luận phúc tra để xem xét xử lý toàn diện và dứt điểm các nội dung tồn đọng về đất đai tại xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân.

Đối tượng soát xét là các lô đất đang tồn đọng chưa được xử lý theo đề nghị của UBND huyện Nghi Xuân (có danh sách kèm theo).

Thời gian soát xét là 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định soát xét (không tính ngày nghỉ theo quy định).

Điều 2. Thành lập Tổ công tác liên ngành gồm:

1. Ông Lê Văn Dũng, Trưởng phòng Nghiệp vụ 2, Thanh tra tỉnh - Tổ trưởng;

2. Ông Võ Văn Tùng, Chuyên viên Phòng Đăng ký - Thống kê, Sở Tài nguyên và Môi trường - Thành viên;

3. Bà Trần Thị Thanh Nga, Thanh tra viên Phòng Nghiệp vụ 1, Thanh tra tỉnh - Thành viên;

4. Ông Võ Hà Phương, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nghi Xuân - Thành viên.

Tổ công tác có nhiệm vụ xây dựng đề cương, kế hoạch để tổ chức thực hiện nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; báo cáo và tham mưu UBND tỉnh xử lý toàn diện và dứt điểm các nội dung tồn đọng đất đai tại xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân theo quy định.

Tổ trưởng và các thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Đoàn thanh tra và thành viên Đoàn thanh tra tại Điều 46, Điều 47 Luật Thanh tra năm 2010.

Điều 3. Chủ tịch UBND huyện Nghi Xuân, Chủ tịch UBND xã Cương Gián và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và thực hiện các yêu cầu của Tổ công tác theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 57, Điều 58 Luật Thanh tra 2010.

Điều 4. Giao Chánh Thanh tra tỉnh phê duyệt đề cương, kế hoạch soát xét; chỉ đạo, giám sát hoạt động của Tổ công tác theo quy định về chỉ đạo, giám sát hoạt động của đoàn thanh tra; khi cần thiết có thể đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh thay đổi, bổ sung thành viên Tổ công tác để hoàn thành nhiệm vụ;

Giao Sở Tài chính tính toán, cấp kinh phí theo quy định để đảm bảo các điều kiện hoạt động của Tổ công tác.

Điều 5. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Nghi Xuân, Chủ tịch UBND xã Cương Gián, các thành viên Tổ công tác và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, NL₂ (18)

Handwritten signature

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn

**DANH SÁCH SOÁT XÉT CÁC TRƯỜNG HỢP CẤP ĐẤT SAI ĐỐI TƯỢNG
THEO KẾT QUẢ PHỨC TRÀ (TẠI XÃ CƯƠNG GIÁN, HUYỆN NGHI XUÂN)**

(Kèm theo Quyết định số *14/15/2018* của UBND ngày 14/15/2018 của UBND tỉnh)



TT	Họ và tên	Năm giao đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích	Số tiền đã nộp (1.000đ)	Đã nộp NSNN (1.000đ)	Lý do thu hồi
1	Nguyễn Đình Cừ	2001	31	92	140			Không có hộ khẩu tại địa phương
2	Nguyễn Nhân Tạo	2001	31	103	140	14,000	2,121	Không có hộ khẩu tại địa phương
3	Nguyễn Văn Bùi	2001	31	128	140			Không có hộ khẩu tại địa phương
4	Lê Quang Vinh	2003	26	192	225	14,000	3,017	Không có hộ khẩu tại địa phương
5	Trương Thị Cúc	2002	26	234	219	6,000		Không có hộ khẩu tại địa phương
6	Trần Thị Kim Thịnh	2004	25	274	144	3,000		Không có hộ khẩu tại địa phương
7	Trương Thị Hồng	2001	31	68	140	14,000	2,121	Đã có đất >200m ²
8	Nguyễn Văn Quang	2003	26	185	225	15,000	3,017	Đã có đất >200m ²
9	Trần Khang	2000	25	151	180	22,900		Đã có đất >200m ²
10	Trần Đức Việt	2005	11	140	95	55,000		Đã có đất >200m ²

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Handwritten signature)